

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/01/2022
Về việc “Ly hôn và giải quyết
vấn đề con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hiên.

2. Bà Kơ Ria Trâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn và giải quyết vấn đề con chung”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/12/2021 giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 69, đường Tê, Phường X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Bị đơn: Ông **Lương Duy T2**, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Nguyễn Thị T và ông Lương Duy T2 kết hôn vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chuyển đến sinh sống tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo bà T trình bày thì ngay từ sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc mà có nhiều mâu thuẫn, bà T thường xuyên bị ông T2 chửi mắng, xúc phạm, ngược đãi. Do không chịu đựng được nên bà đã bỏ về quê tại Hà Nam từ 2016 đến nay. Từ sau khi ly thân thì ông T2 cũng không có thiện chí hàn gắn mà còn tiếp tục xúc phạm bà qua tin nhắn. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn khả năng hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Lương Duy T2.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án ông Lương Duy T2 cũng xác nhận quá trình kết hôn và chung sống như bà T đã trình bày là đúng. Ông T2 cũng xác nhận mâu thuẫn gia đình là có thật mà nguyên nhân là do bà T có quan hệ với người đàn ông khác. Ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T vì nhận thấy không còn khả năng hàn gắn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lương Khánh T3, sinh ngày 02/10/2012. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khánh Thư cho đến khi thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Duy cũng đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên xác nhận không có tài sản chung và nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án ông bà T có đơn xin vắng mặt, ông T2 cũng có ý kiến xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có ý kiến xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm về các vấn đề quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn đối với bị đơn; Giao con chung Lương Khánh T3 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Về việc cấp dưỡng: các bên không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Lương Duy T2 có nơi cư trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều vắng và có đơn, có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lương Duy T2 tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa các bên là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bà T và ông T2 đều xác nhận quá trình chung sống các bên có mâu thuẫn kéo dài. Theo lời khai của các đương sự xác định tình trạng hôn nhân đã xấu đi đến mức không thể hòa giải được, mỗi người nhìn nhận mâu thuẫn gia đình theo một cách khác nhau, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài không còn quan tâm đến nhau, cũng không thể hàn gắn để trở về chung sống mà đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân theo quy định của pháp luật. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T2 đã mâu thuẫn trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn đối với bị đơn.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T2 có 01 con chung là: Vợ chồng có 01 con chung là Lương Khánh T3, sinh ngày 02/10/2012. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khánh Thư cho đến khi thành niên. Ông Duy cũng đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Sau khi xem xét mọi mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo sự ổn định, và đảm bảo các điều kiện để con chung phát triển bình thường, và phù hợp với nguyện vọng của con chung cần giao con chung Lương Khánh T3 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, các bên không có tranh chấp gì về việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và giải quyết vấn đề con chung của bà Nguyễn Thị T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Lương Duy T2.
2. Về con chung: Giao con chung Lương Khánh T3, sinh ngày 02/10/2012 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Ông T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
3. Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002977 ngày 10/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.
6. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Võ Thành Luân